

UBND TỈNH LONG AN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1215/GPMT-SNNMT

Long An, ngày 09 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 của UBND tỉnh Long An ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 13/3/2025 của UBND tỉnh Long An về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét Văn bản số 12/CVMT-TP ngày 29/3/2025 của Công ty TNHH TLP Tân Phú về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Môi trường và Kiểm lâm tại Tờ trình số 68/TTr-CCMTKT ngày 09/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH TLP Tân Phú; địa chỉ tại Lô số 10, Đường số 1, CCN Hoàng Gia, ấp Mới 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa”; địa điểm tại Lô số 10, Đường số 1, CCN Hoàng Gia, ấp Mới 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô số 10, Đường số 1, CCN Hoàng Gia, ấp Mới 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên với mã số doanh nghiệp là 0314128699 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp đăng ký lần đầu ngày 24/11/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30/12/2022.

1.4. Mã số thuế: 0314128699.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Các loại bao bì nhựa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích: 7.438m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS266410 (số vào sổ cấp GCN: CT51451) ngày 14/6/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp.

- Nhóm dự án: Thuộc tiêu chí phân loại dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất: 14.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất bao bì nhựa: Nguyên liệu (hạt nhựa, bột màu) → Nạp liệu → Trộn liệu → Thổi màng → Cuốn màng → Hàn đáy - cắt → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình tái chế hạt nhựa từ phế liệu nhựa sạch: Phế liệu nhựa sạch → Băm → Đùn tạo hạt → Cắt → Sàng → Sấy → Hạt nhựa tái chế.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH TLP Tân Phú được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH TLP Tân Phú có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm (từ ngày 09/4/2025 đến ngày 08/4/2035).

Điều 4. Giao Chi cục Môi trường và Kiểm lâm tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa” của Công ty TNHH TLP Tân Phú được cấp phép theo quy định của pháp luật. /...nguy

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- UBND huyện Đức Hòa;
- UBND xã Mỹ Hạnh Nam;
- Công ty TNHH TLP Tân Phú;
- Lãnh đạo Sở;
- Pháp chế Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Chi cục Môi trường và Kiểm lâm;
- Cổng Thông tin điện tử của Sở NN&MT;
- Lưu: VT, CCMTKL, Lượng, 8.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tân Thuận

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1215/GPMT-SNNMT ngày 09/4/2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân.
- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay chân sau mỗi ca sản xuất của công nhân.
- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ hoạt động giải nhiệt máy móc, thiết bị.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ ga giám sát nước thải (nằm ngoài hàng rào Công ty), sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Hoàng Gia rồi thoát ra kênh áp Mới 2. Sau khi hệ thống thu gom và xử lý nước thải của CCN Hoàng Gia hoàn thiện và vận hành thì sẽ thực hiện đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của CCN Hoàng Gia.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Lô số 10, Đường số 1, CCN Hoàng Gia, ấp Mới 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1202323 và Y=0582727 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5 m³/ngày.đêm, tương đương 0,21 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý dẫn bằng đường ống PVC D168mm ra hồ ga giám sát nước thải của dự án rồi đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thải của CCN Hoàng Gia tại 01 vị trí nằm trên Đường số 1 rồi thoát ra nguồn tiếp nhận là kênh áp Mới 2.

- Hiện tại, hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Hoàng Gia chưa vận hành. Do đó, sau khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Hoàng Gia hoàn thiện và vận hành thì sẽ thực hiện đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của CCN Hoàng Gia.

- Phương thức xả: Tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với K_q=0,9 và K_f=1,2), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,2$)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	(*)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	32,4	
3	COD	mg/L	81	
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	54	
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	5,4	
6	Tổng nitơ	mg/L	21,6	
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	4,32	
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	5,4	
9	Coliform	MPN/100mL	3.000	

Lưu ý:

- (*): Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Sau khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Hoàng Gia hoàn thiện và vận hành thì Công ty TNHH TLP Tân Phú sẽ xử lý đạt Tiêu chuẩn đầu nổi trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của CCN Hoàng Gia theo đúng yêu cầu của Chủ đầu tư hạ tầng.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Công ty phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa:

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Thu gom nước mưa trên mái được kết cấu bằng đường ống bằng PVC Ø114mm từ mái nhà xưởng xuống hố ga BTCT trên mặt đất. Các hố ga này được nối với nhau bằng các ống dẫn nước mưa dưới mặt đất có kích thước BTCT Ø300mm, hòa chung với dòng nước mưa được thu gom dưới đất. Nước mưa trên bề mặt được thoát vào cống ven đường và dẫn tới các hố ga để đổ vào đường ống thu gom BTCT Ø300mm chạy dọc theo các tuyến đường nội bộ. Toàn cơ sở có 21 hố ga thu gom nước mưa với tổng chiều dài tuyến ống thu gom khoảng 358m. Toàn bộ lượng nước mưa phát sinh được thoát ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thu gom và thoát nước mưa của CCN Hoàng Gia thông qua đường ống BTCT Ø200mm tại 2 vị trí trên đường số 1 với tọa độ như sau: $X_1=1202326$ và $Y_1=0582728$; $X_2=1201401$ và $Y_2=0582742$ (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ.

- Các nguồn nước thải phát sinh bao gồm:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân với lưu lượng khoảng $3,44 \text{ m}^3/\text{ngày}$, được thu gom và xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 3 ngăn cụ thể như sau:

++ Nguồn số 01A: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 01 khu nhà vệ sinh bố trí tại nhà văn phòng (diện tích 10m^2) (01 bể tự hoại, dung tích 45m^3) được thu gom bằng đường ống PVC D168mm dẫn về 01 hầm chứa có thể tích 21m^3 , từ đây nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải của Công ty để tiếp tục xử lý.

++ Nguồn số 01B: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 01 khu nhà vệ sinh bố trí tại nhà bảo vệ (diện tích 3m^2) (01 bể tự hoại, dung tích 6 m^3) được thu gom bằng đường ống PVC D168mm dẫn về 01 hầm chứa có thể tích 21m^3 , từ đây nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải của Công ty để xử lý.

++ Nguồn số 01C: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 01 khu nhà vệ sinh bố trí trong khuôn viên cơ sở (diện tích 20m^2) (01 bể tự hoại, dung tích 45 m^3) được thu gom bằng đường ống PVC D168mm dẫn về 01 hầm chứa có thể tích 21m^3 , từ đây nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải của Công ty để xử lý.

+ Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay chân sau mỗi ca sản xuất của công nhân với lưu lượng khoảng $0,54 \text{ m}^3/\text{ngày}$, được thu gom bằng đường ống PVC D168mm dẫn về 01 hầm chứa có thể tích 21m^3 , từ đây nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải của Công ty để xử lý.

+ Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động giải nhiệt máy móc, thiết bị với lưu lượng khoảng $1,0 \text{ m}^3/\text{lần}$, được thu gom vào bồn chứa dung tích 500 lít, khi đầy bồn, xe nâng sẽ chuyển bồn chứa nước thải về hệ thống xử lý nước thải của Công ty để xử lý.

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ các nguồn số 01, 02 và 03 dẫn về hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế $05 \text{ m}^3/\text{ngày}$. để xử lý; nước thải sau xử lý bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với $K_q=0,9$ và $K_f=1,2$) sau đó được

dẫn bằng đường ống PVC D168mm ra hố ga giám sát nước thải rồi đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thải của CCN Hoàng Gia tại 01 vị trí nằm trên đường số 1 với tọa độ X=1202323 và Y=0582727 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°), sau đó xả thải ra nguồn tiếp nhận là kênh Ấp Mới 2. Sau khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Hoàng Gia hoàn thiện và vận hành thì Công ty TNHH TLP Tân Phú sẽ xử lý đạt Tiêu chuẩn đầu nối trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của CCN Hoàng Gia theo đúng yêu cầu của Chủ đầu tư hạ tầng.

1.2. Công nghệ, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh → Bể thu gom/điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Cụm khử trùng → Hố ga giám sát → Nguồn tiếp nhận (hệ thống thoát nước thải của CCN Hoàng Gia sau đó xả thải ra nguồn tiếp nhận là kênh ấp Mới 2).

- Công suất thiết kế: 05 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine (hoặc các hoá chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, lấy mẫu phân tích để theo dõi hiệu quả xử lý và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Niêm yết quy trình xử lý nước thải tại khu vực bố trí hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải và mạng lưới thu gom, thoát nước thải; định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn; hút hầm bể tự hoại định kỳ.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải như máy bơm, máy thổi khí, hóa chất,... Trong trường hợp xảy ra sự cố đối với thiết bị, Công ty phải nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố;

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế 05 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 mẫu nước thải trước hệ thống xử lý nước thải (bể thu gom); tọa độ vị trí: X=1202333 và Y=0582717.

- 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (hồ ga giám sát ngoài tường rào Công ty); tọa độ vị trí: X=1202323 và Y=0582727.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh, giải nhiệt máy móc thiết bị và các nguồn khác tại Nhà máy bảo đảm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với $K_q=0,9$ và $K_f=1,2$) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận; không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Công ty phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.7. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1215/GPMT-SNNMT ngày 09/4/2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ máy băm của dây chuyền tái chế hạt nhựa.
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ máy làm nguội của dây chuyền tái chế hạt nhựa.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải tương ứng với ống phát thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dây chuyền tái chế hạt nhựa (nguồn số 1 và số 2); tọa độ vị trí xả khí thải: X=12024158 và Y=0582722 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

- Vị trí xả khí thải: Trong khuôn viên của Công ty TNHH TLP Tân Phú tại địa điểm: Lô số 10, Đường số 1, CCN Hoàng Gia, ấp Mới 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.300 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Bụi, khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống phát thải, xả liên tục theo thời gian hoạt động sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ - QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$; QCVN 20:2009/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /h	--	(*)
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	
3	Etylacetat	mg/Nm ³	1.400	
4	Toluen	mg/Nm ³	750	

Lưu ý:

- (*): Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Công ty phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn băm phế liệu và làm nguội hạt nhựa sau khi đun của quy trình sản xuất hạt nhựa tái chế được thu gom bằng 02 ống hút, thông qua 02 quạt hút theo hệ thống đường ống dẫn về xử lý tại công đoạn hấp phụ than hoạt tính trước khi thải ra môi trường. Chi tiết công trình thu gom khí thải được thể hiện như sau:

- Cụm thu gom số 1 - máy băm: Bụi, khí thải phát sinh từ 01 máy băm được thu gom bằng 01 đường ống (vật liệu nhựa mềm, đường kính D90mm) về xử lý sơ bộ tại 01 Cyclone sau đó theo đường ống (vật liệu toke kẽm, đường kính D200mm, dài 12m) về xử lý tại 01 thùng hấp phụ than hoạt tính trước khi thải ra môi trường.

- Cụm thu gom số 2 - máy làm nguội: Bụi, khí thải phát sinh từ 01 máy làm nguội được thu gom bằng 01 đường ống (vật liệu nhựa mềm, đường kính D140mm) về xử lý sơ bộ tại 01 Cylcone sau đó theo đường ống (vật liệu toke kẽm, đường kính D300mm, dài 6m) về xử lý tại 01 thùng hấp phụ than hoạt tính trước khi thải ra môi trường.

1.2. Công nghệ, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Cụm thu gom số 1: Bụi, khí thải → Ống hút → Quạt hút → Cyclone → Hệ thống ống dẫn → (1).

Cụm thu gom số 2: Bụi, khí thải → Ống hút → Quạt hút → Cyclone → Hệ thống ống dẫn → (2).

(1) + (2) → Thùng hấp phụ than hoạt tính → Ống phát thải (Đường kính 350mm và chiều cao 12m) → Môi trường ngoài.

- Công suất thiết kế: 2.300 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hoá chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng các hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý bụi, khí thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với các hệ thống.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu:* Tại ống phát thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dây chuyền tái chế hạt nhựa; tọa độ vị trí: X=1202415 và Y=0572722 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', vĩ độ 3°).

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ - QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Công ty phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh khí thải khi đã khắc phục xong sự cố. Lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

3.4. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1215/GPMT-SNNMT ngày 09/4/2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Hoạt động của các máy trộn nhựa có gia nhiệt và không có gia nhiệt (04 máy).
- Nguồn số 2: Hoạt động của các máy thổi màng tại nhà xưởng số 1 (08 máy).
- Nguồn số 3: Hoạt động của các máy thổi màng tại nhà xưởng số 2 (13 máy).
- Nguồn số 4: Hoạt động của các máy hàn đáy - cắt túi tại nhà xưởng số 1 (06 máy).
- Nguồn số 5: Hoạt động của các máy hàn đáy - cắt túi tại nhà xưởng số 2 (13 máy).
- Nguồn số 6: Hoạt động của dây chuyền tái chế hạt nhựa (01 dây chuyền).
- Nguồn số 7: Hoạt động của máy nén khí (02 máy).
- Nguồn số 8: Hoạt động của tháp giải nhiệt (02 tháp).
- Nguồn số 9: Hoạt động của máy bơm đầu keo.
- Nguồn số 10: Hoạt động của máy bào thớt.
- Nguồn số 11: Hoạt động của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tái chế hạt nhựa.
- Nguồn số 12: Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Vị trí tọa độ: X=1202372 và Y=0582657.
- Nguồn số 02: Vị trí tọa độ: X=1202381 và Y=0582646.
- Nguồn số 03: Vị trí tọa độ: X=1202407 và Y=0582682.
- Nguồn số 04: Vị trí tọa độ: X=1202383 và Y=0582667.
- Nguồn số 05: Vị trí tọa độ: X=1202408 và Y=0582703.
- Nguồn số 06: Vị trí tọa độ: X=1202417 và Y=0582711.
- Nguồn số 07: Vị trí tọa độ: X=1202415 và Y=0582666.
- Nguồn số 08: Vị trí tọa độ: X=1202439 và Y=0582695.
- Nguồn số 09: Vị trí tọa độ: X=1202432 và Y=0582708.
- Nguồn số 10: Vị trí tọa độ: X=1202433 và Y=0582709.
- Nguồn số 11: Vị trí tọa độ: X=1202415 và Y=0582722.
- Nguồn số 12: Vị trí tọa độ: X=1202333 và Y=0582717.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm giám sát ngoài hàng rào Công ty)

3.2. Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm giám sát ngoài hàng rào Công ty)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

1.2. Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

1.3. Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

1.4. Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

1.5. Mật độ và diện tích cây xanh tại cơ sở phải đảm bảo đạt tỷ lệ theo quy định để giảm lan truyền tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Công ty TNHH TLP Tân Phú phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

2.3. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Nhà máy.

2.4. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1215/GPMT-SNNMT ngày 09/4/2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	69	12 01 04	NH
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	12	16 01 06	NH
3	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	400	17 02 03	NH
Tổng cộng			481		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp kiểm soát (Cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường):

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Hộp chứa mực in (loại có chứa thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	Rắn	15	08 02 04	KS
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	210	18 02 01	KS
3	Cặn nước thải có thành phần nguy hại (cặn nước giải nhiệt)	Rắn	60	19 10 02	KS
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	270	18 01 03	KS
5	Bao bì nhựa mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	150	18 01 01	KS
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải có thành phần nguy hại	Bùn	83,3	12 06 05	KS
Tổng cộng			788,3		

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của Công ty với khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 5.092 kg/tháng bao gồm: Dây đai, thùng carton thải; giấy vụn phòng thải, tấm lưới lọc, nguyên liệu, sản phẩm lỗi không thể tái chế,...

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 21,5 kg/ngày, chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho/khu vực lưu chứa: Thiết kế có nền bê tông, có mái che, có gắn biển dấu hiệu cảnh báo, bố trí thiết bị PCCC, xây dựng gờ chống tràn và các thiết bị ứng cứu sự cố tràn đổ: giẻ lau, cát khô, bao tay, ủng, dụng cụ quét và hốt rác tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 8 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho/khu vực lưu chứa: Khung kèo thép vách tôn, mái lợp tôn, nền BTCT và gắn bảng tên các loại chất thải lưu chứa.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 8 m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Kho/khu vực lưu chứa: Có mái che, có gắn biển dấu hiệu.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 5 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí/nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành hệ thống xử lý khí/nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1215/GPMT-SNNMT ngày 09/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo đúng quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của Công ty.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp

luật. Có kế hoạch giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

7. **Chậm nhất là 10 ngày** sau khi được cấp giấy phép môi trường, Công ty thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.

8. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải.

9. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12), gửi báo cáo trước ngày 15/01 của năm tiếp theo.

10. Công ty phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng theo đúng quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)/.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH TLP Tân Phú địa chỉ tại Lô số 10, Đường số 1, CCN Hoàng Gia, ấp Mৌ 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với "Nhà máy sản xuất bao bì nhựa", địa điểm tại Lô số 10, Đường số 1, CCN Hoàng Gia, ấp Mৌ 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở: